

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 01 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
cấp dưỡng khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Ngọc Lâm;
2. Ông Dương Việt Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, Quyết định về việc thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/2022/QĐ-TA ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H; sinh năm: 1989; địa chỉ: Trường Mầm non xã H, thôn C, xã H1, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh C; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C đã đăng kí kết hôn ngày 01 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai vợ chồng có quá trình tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách lối sống không hợp nhau, hai vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu A, sinh năm 2012, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, chị đi đang làm giáo viên lương tháng trung bình được 8.000.000 đồng/ tháng, chị đủ khả năng nuôi. Chị đang xây nhà riêng ở xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn anh C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới. Vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn. vào năm 2011 tại UBND xã K, thành phố S. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không hợp nhau, hiện nay anh chị đã ly thân nhau được 1 năm. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị H nữa, chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là A, sinh năm 2012, khi ly hôn anh nhất trí để cho chị H trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, nếu chị H không nuôi thì để anh nuôi con, nếu anh được nuôi con thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho anh chị vào ngày 21/10/2021 và ngày 05/01/2022, tuy nhiên anh C vắng mặt, do vậy Tòa án không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung là cháu A, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2 năm 2022, không yêu cầu lãi chậm trả. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh C. Về con chung: Chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu A, sinh ngày 05-4-2012. Anh C phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh C không phải trả lãi chậm trả.

Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; anh C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị H xin ly hôn với anh C, có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, anh C vắng mặt (đã có đơn xin xử vắng mặt) do vậy Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H Hội đồng xét xử thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 01/7/2011, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách lối sống không hợp nhau. Anh chị đã nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát. Anh chị đã ly thân nhau từ tháng 4/2021 đến nay. Hiện nay 2 vợ chồng anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Tại biên bản lời khai anh C cũng trình bày không còn tình cảm với chị H, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những lý do trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu A, sinh ngày 05/4/2012. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu A của chị H và anh C. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh chị là chính đáng. Từ khi anh chị ly thân đến nay cháu A vẫn sống cùng mẹ, được chị H cho đi học và chăm sóc chu đáo, chị H làm giáo viên, hàng tháng đều có thu nhập ổn định và được sự

giúp đỡ của cả hai bên nội ngoại để chăm sóc cháu A đầy đủ. Cháu A có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị H, anh C trong biên bản lấy lời khai cũng có ý kiến nhất trí để chị H nuôi cháu A. Hội đồng xét xử thấy, cháu A là con gái. Do vậy để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của cháu A, cần giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị H, Hội đồng xét xử thấy anh C đi làm thu nhập 1 tháng khoảng từ 10.000.000 - 12.000.000 đồng, anh C cũng nhất trí cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng như chị H yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị H là có căn cứ nên chấp nhận. Về thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về lãi chậm trả: Do chị H không yêu cầu nên anh C không phải trả lãi chậm trả. Anh C được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 02/2011, ngày 01/7/2011 tại UBND xã K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Chị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu A, sinh ngày 05/4/2012 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu A mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi

cháu A đủ 18 tuổi.

Anh C không phải trả lãi chậm trả vì chị H không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng để sung vào ngân sách Nhà nước. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002900 ngày 22/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- UBND xã K, thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh

Việc thảo luận kết thúc vào hồi..... giờ..... phút cùng ngày
...../...../2021

Biên bản thảo luận đã được đọc cho các thành phần nghe, nhất trí và cùng
kí tên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Thịnh

